

CTCP BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT (FRT)

BÁO CÁO CẬP NHẬT ĐHĐCĐ

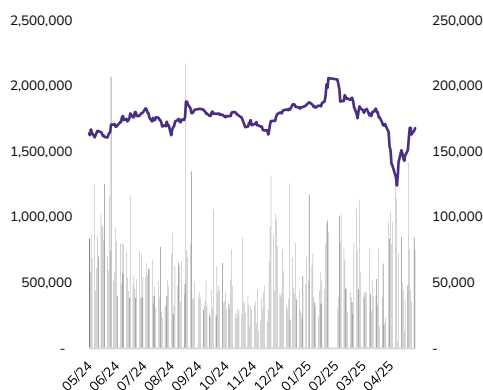
Kiều Thị Thanh Thư

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Bán lẻ
Ngày báo cáo	: 26/05/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 162.200
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 22.099
SLCPDLH (CP)	: 136.242.389

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2023A	2024A
Tăng trưởng DTT (%)	5,6%	25,9%
Tăng trưởng LNST (%)	-188,5%	NA
Biên LNG (%)	16,2%	18,9%
Biên LNST (%)	-1,1%	0,8%
ROA (%)	-2,9%	2,2%
ROE (%)	-19,2%	18,1%
Nợ vay/VCSH (lần)	4,72	4,15
EPS (VND/CP)	-2.537	2.331
BVPS (VND/CP)	11.738	14.032

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Chuỗi nhà thuốc Long Châu là động lực tăng trưởng

Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025

- KQKD năm 2024 tăng trưởng vượt xa kế hoạch.
 - ✓ Doanh thu năm 2024 đạt 40.104 tỷ đồng (+26% svck); doanh thu online đạt 7.165 tỷ đồng (+23% svck).
 - Chuỗi nhà thuốc FPT Long Châu đạt doanh thu 25.320 tỷ đồng (+59,4% svck), vượt 19% kế hoạch và đóng góp 63% trên tổng doanh thu hợp nhất của FPT Retail. Doanh thu trung bình của chuỗi duy trì ở mức 1,2 tỷ đồng/nhà thuốc/tháng. Năm 2024, nhà thuốc FPT Long Châu mở mới 446 cửa hàng, nâng số điểm bán lên 1.943 nhà thuốc trên 63 tỉnh thành; tiềm chủng FPT Long Châu mở mới 116 trung tâm, nâng số trung tâm lên 126 tại 54/63 tỉnh thành.
 - Tổng doanh thu FPT Shop năm 2024 đạt 15.126 tỷ đồng (-7% svck), đạt 95% kế hoạch. Sau 1,5 năm ghi nhận lỗ trên báo cáo kết quả kinh doanh, FPT Shop đã quay lại có lãi từ Q3/2024. Q4/2024, doanh thu bình quân mỗi cửa hàng đạt 2,2 tỷ đồng/tháng – mức cao nhất kể từ đầu năm. FPT Shop khép lại năm 2024 với 634 cửa hàng, trong đó có 54 cửa hàng được chuyển đổi thành FPT Shop Điện Máy. Chuỗi FPT Shop tái cấu trúc mạnh mẽ trong năm 2024, tối ưu hóa hệ thống bằng cách đóng hơn 120 cửa hàng hoạt động kém hiệu quả.
- LNG đạt 7.583 tỷ đồng (+46,9% svck), biên LNG tăng 2,7 điểm %, lên 18,9%. Sự tăng trưởng được thúc đẩy bởi 2 yếu tố chính: (1) nhà thuốc Long Châu duy trì hiệu quả hoạt động ổn định; (2) FPT Shop tái cấu trúc đã cải thiện biên lợi nhuận.
- LNTT đạt 527 tỷ đồng (năm 2023 lỗ 294 tỷ đồng). Với kết quả này, FRT đã vượt 8% kế hoạch doanh thu và 322% kế hoạch LNTT. LNST cổ đông công ty mẹ đạt 317,5 tỷ đồng (năm 2023 lỗ 345,6 tỷ đồng).
- Tình hình tài chính:
 - ✓ Tiền và tiền gửi ngắn hạn tăng mạnh. Lượng tiền và tiền gửi ngắn hạn cuối năm 2024 ở mức 3.084 tỷ đồng, tăng mạnh 43,1% so với đầu năm, chiếm 19,5% TTS.
 - ✓ Các khoản phải thu tăng nhẹ. Giá trị các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2024 ở mức 600 tỷ đồng (+4,6% so với đầu năm), chiếm 3,8% TTS.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA FRT Q1/2025 & NĂM 2024

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	1Q24	1Q25	%YoY	2023	2024	%YoY
Doanh thu thuần	9.042	11.670	29,1%	31.850	40.104	25,9%
Lợi nhuận gộp	1.807	2.325	28,6%	5.162	7.583	46,9%
Biên lợi nhuận gộp (%)	20,0%	19,9%		16,2%	18,9%	
Chi phí BH & QLDN	-1.683	-2.007	19,2%	-5.246	-6.893	31,4%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	18,6%	17,2%		16,5%	17,2%	
Doanh thu tài chính	25,3	37,9	49,9%	80,3	106,9	33,2%
Chi phí tài chính	-60,6	-88,7	46,2%	-292,3	-253,8	-13,2%
Chi phí lãi vay	-60,4	-88,6	46,6%	-284,9	-253,4	-11,1%
Lợi nhuận từ HĐKD	89,1	267,1	199,8%	-296,5	543,1	NA
Lợi nhuận trước thuế	88,7	272,5	207,1%	-294,2	527,0	NA
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	38,8	168,0	333,3%	-345,6	317,5	NA
Biên lợi nhuận ròng (%)	0,4%	1,4%		-1,1%	0,8%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

- ✓ Hàng tồn kho ở mức 10.291 tỷ đồng (+21,5% so với đầu năm), chiếm 65% TTS. Trong cơ cấu HTK của FRT thì trên 99% là hàng hóa, còn lại 1% là hàng mua đang đi đường và công cụ dụng cụ. Dự phòng giảm giá HTK tăng 31,3% so với đầu năm, lên 56,7 tỷ đồng.
- ✓ Đòn bẩy tài chính rất cao. Giá trị các khoản nợ vay cuối năm 2024 ở mức 8.800 tỷ đồng (+8,5% so với đầu năm), toàn bộ là nợ vay ngắn hạn nhằm tài trợ cho các khoản mua tích trữ hàng hóa. Nợ vay chiếm 55,6% trong cơ cấu nguồn vốn. Tỷ lệ D/E giảm nhẹ từ 4,72 lần xuống còn 4,15 lần, vẫn là mức rất cao và tiềm ẩn nhiều rủi ro tài chính.

- KQKD Q1/2025:**

- ✓ Doanh thu thuần 11.670 tỷ đồng (+29,1% svck), hoàn thành 24% kế hoạch. Trong đó, Long Châu đóng góp 8.054 tỷ đồng (+46% svck), chiếm 69% tổng doanh thu; FPT Shop đóng góp 3.682 tỷ đồng (+3% svck). Doanh thu online đạt 2.146 tỷ đồng (+38% svck).
- ✓ Cuối Q1/2025, số nhà thuốc Long Châu đạt 2.022 nhà thuốc (tăng 79 nhà thuốc trong Q1/2025); số cơ sở tiêm chủng Long Châu đạt 144 trung tâm (tăng 28 trung tâm trong Q1/2025); số cửa hàng FPT Shop đạt 628 cửa hàng (tiếp tục giảm 6 cửa hàng trong Q1/2025).
- ✓ Lợi nhuận trước thuế đạt 272,5 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ và hoàn thành 30% kế hoạch năm.

- Kế hoạch năm 2025:**

- ✓ Kế hoạch kinh doanh năm 2025: doanh thu thuần 48.100 tỷ đồng (+20% svck), LNTT 900 tỷ đồng (+71% svck).
- ✓ Phát triển FPT Long Châu:
 - Đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu cao.
 - Mở rộng vùng phủ.
 - Tăng cường ứng dụng công nghệ AI để tối ưu hóa vận hành và cung cấp các dịch vụ mới.
- ✓ Phát triển FPT Shop:
 - Đặt mục tiêu tăng trưởng dương, tập trung khai thác các sản phẩm mới và nâng cao hiệu quả hoạt động.
 - Thay đổi danh mục sản phẩm: tiếp tục điều chỉnh cơ cấu sản phẩm để tối ưu biên lợi nhuận, mở rộng danh mục sản phẩm tại các cửa hàng FPT Shop thông thường; đẩy mạnh phát triển mô hình FPT Shop Điện Máy. Tiếp tục đẩy mạnh chiến lược khai thác mạng di động ảo FPT-Mobile Virtual Network Operator (MVNO) để hoàn thiện hệ sinh thái số.

- Ứng dụng AI nhằm tối ưu hóa hoạt động.
- ✓ Phương án chi trả cổ tức 2024: trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25% (4:1).

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025 CỦA FRT

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	%YOY
Doanh thu hợp nhất	40.104	48.100	20%
LNTT hợp nhất	527	900	71%

Nguồn: FRT, ABS Research

• Một số trao đổi tại đại hội:

- ✓ Tác động của thuế đối ứng Mỹ đến KQKD của công ty:
 - Mạng ICT: mạng ICT không ảnh hưởng nhiều vì được nhập chủ yếu từ các nước ngoài Mỹ, tuy nhiên chi phí có thể tăng do tỷ giá hoặc nguyên vật liệu thay đổi. Ngoài ra, mạng này có khả năng chịu ảnh hưởng gián tiếp khi thu nhập người dân giảm do ảnh hưởng của thuế đối ứng Mỹ đến các ngành hàng xuất khẩu dẫn đến sức mua giảm.
 - Đối với lĩnh vực dược phẩm: mạng dược phẩm không nằm trong nhóm hàng bị áp thuế, các hãng dược đều có nhà máy ở nhiều nơi khác trên thế giới ngoài Mỹ. Ngoài ra, dược phẩm là sản phẩm thiết yếu nên ít chịu tác động của cạnh tranh thương mại, nhưng có thể bị ảnh hưởng ở các sản phẩm bổ sung.
- ✓ Liên quan đến chuỗi nhà thuốc Long Châu:
 - Tốc độ mở cửa hàng trong năm 2025: giảm tốc do nhận thấy khi vào tuyến xã, doanh thu trên cửa hàng có dấu hiệu giảm dần. Long Châu cân nhắc đi theo hiệu quả hơn là số lượng cửa hàng.
 - Tăng trưởng bình quân cửa hàng cũ: hiện nay đạt 10-15%.
 - Thời gian hoàn vốn của cửa hàng Long Châu mới mở: mục tiêu 6 tháng có lãi nhưng nhiều cửa hàng 3 tháng đã có lãi.
 - Đối tác chiến lược mạng dược phẩm: FRT chính thức hoàn thành nhiệm vụ bán vốn tại Long Châu cho đối tác Creador SDN Bhd. Mục tiêu của đối tác là sở hữu 13% cổ phần, trong đó 50% đến từ phát hành cổ phần mới, 50% đến từ cổ đông hiện hữu bán. Hy vọng Creador sẽ hỗ trợ công ty trong chiến lược Healthcare Ecosystem, giới thiệu các đối tác mới và giàu kinh nghiệm.
- ✓ Liên quan chuỗi vaccine: tăng trưởng doanh thu bình quân của trung tâm hoạt động trên 1 năm là 30%, thời gian hòa vốn 9-12 tháng tùy theo mô hình đầu tư. Vaccine nằm trong chiến lược Healthcare Ecosystem, học tập mô hình pharmacy-based, đối tượng khách hàng chính là người mua thuốc.

Đánh giá của ABS Research

- Chúng tôi cho rằng triển vọng năm 2025 của FRT sẽ vẫn khả quan khi Long Châu tiếp tục mở mới cửa hàng và hoạt động hiệu quả, trong khi đó FPT Shop sau khi tái cơ cấu đã cải thiện được kết quả kinh doanh:
 - ✓ Long Châu tiếp tục là động lực tăng trưởng cho FRT khi mô hình kinh doanh của Long Châu hiệu quả và công ty dự kiến tiếp tục mở mới 350 nhà thuốc và 80 trung tâm tiêm chủng trong năm 2025. Q1/2025 đã có 79 nhà thuốc được mở và doanh thu/nhà thuốc vẫn tăng trưởng, đạt 1,3 tỷ đồng/nhà thuốc. Bên cạnh đó, số lượt khách đến Trung tâm tiêm chủng FPT Long Châu tăng mạnh thể hiện sự tin tưởng của khách hàng đối với trung tâm, là cơ sở để trung tâm tiếp tục phát triển bền vững.
 - ✓ FPT Shop tiếp tục chiến lược tối ưu vận hành và tái cơ cấu danh mục. KQKD Q1/2025 cho thấy chiến lược này tiếp tục mang lại hiệu quả khi doanh thu tăng trưởng 3% svck trong khi số lượng cửa hàng giảm 115 cửa hàng so với cùng kỳ.
 - ✓ Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế có thể sẽ bị ảnh hưởng từ việc chính phủ Mỹ áp thuế lên các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, do đó nhu cầu tiêu dùng những mặt hàng không thiết yếu như điện tử, điện máy sẽ có khả năng bị ảnh hưởng.
- Theo kế hoạch của FRT, tổng doanh thu năm 2025 là 48.100 tỷ đồng, LNTT là 900 tỷ đồng. Q1/2025, doanh thu thuần đạt 11.670 tỷ đồng, hoàn thành 24% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 270 tỷ đồng, hoàn thành 30% kế hoạch. Chúng tôi đánh giá kết quả này là khá khả quan, cao điểm kinh doanh của FRT thường rơi vào quý 4 và quý 1. Với đà tăng trưởng này FRT sẽ có khả năng hoàn thành được kế hoạch năm. Chúng tôi ước tính LNST cổ đông công ty mẹ 2025F đạt 534,5 tỷ đồng. EPS 2025F dự kiến đạt 3.138 đ/cp (sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%), P/E 2025F ở mức 41,6x tại mức giá hiện tại. BVPS năm 2025 dự kiến đạt 14.364 đ/cp, P/B 2025F ở mức 9,1x tại mức giá hiện tại.
- Chúng tôi đang theo dõi diễn biến thuế quan Mỹ và sẽ đưa ra dự phóng & định giá trong các báo cáo tiếp theo.

PHỤ LỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA FRT

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	22.495	30.166	31.850	40.104
Giá vốn hàng bán	(19.343)	(25.463)	(26.688)	(32.521)
Lợi nhuận gộp	3.152	4.703	5.162	7.583
Doanh thu tài chính	198	174	80	107
Chi phí tài chính	(146)	(256)	(292)	(254)
Chi phí bán hàng	(2.071)	(3.259)	(4.170)	(5.527)
Chi phí QLDN	(586)	(887)	(1.076)	(1.366)
Lợi nhuận từ HKKD	546	474	(297)	543
Lãi/lỗ khác	(1)	(4,6)	(19,7)	(40,3)
Lợi nhuận trước thuế	554	486	(294)	527
Lợi nhuận sau thuế	444	398	(329)	408
LNST cổ đông Công ty mẹ	444	390	(346)	318

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HKKD	(1.304)	(1.508)	(1.857)	627
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(1.856)	1.860	(672)	(180)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	3.564	(712)	2.744	689
LCT thuần trong kỳ	404	(360)	215	1.137
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	702	1.105	746	961
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1.105	746	961	2.098

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,11	1,10	1,00	1,02
Khả năng thanh toán nhanh	0,33	0,15	0,12	0,18
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,12	0,09	0,08	0,15
Khả năng thanh toán lãi vay	3,74	2,40	(0,30)	2,72
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,16	0,19	0,13	0,13
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,84	0,81	0,87	0,87
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	3,60	2,62	4,72	4,15

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	2,06	1,03	1,24	1,38
Số ngày phải trả	33,85	33,28	31,33	30,73
Số ngày tồn kho	64,43	82,44	102,54	105,28
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	14,0%	15,6%	16,2%	18,9%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	2,4%	1,6%	-0,9%	1,4%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	2,0%	1,3%	-1,1%	0,8%
ROE	30,9%	21,3%	-19,2%	18,1%
ROA	5,5%	3,7%	-2,9%	2,2%
ROIC	8,2%	6,9%	-1,2%	6,0%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.105	746	961	2.098
+ Đầu tư ngắn hạn	1.821	1.119	1.194	986
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.948	538	394	417
+ Hàng tồn kho	4.930	6.484	8.427	10.235
+ Tài sản ngắn hạn khác	380	440	439	291
Tài sản ngắn hạn	10.185	9.327	11.415	14.026
+ Các khoản phải thu dài hạn	137	170	179	183
+ Tài sản cố định	448	847	1.308	1.446
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	0	2	1	8
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	50	178	195	169
Tài sản dài hạn	635	1.197	1.683	1.806

Tổng Tài sản	10.820	10.524	13.098	15.833
+ Vay ngắn hạn	6.047	5.363	8.108	8.800
+ Phải trả người bán	2.373	2.307	2.274	3.202
+ Nợ ngắn hạn khác	721	804	996	1.709
Nợ ngắn hạn	9.141	8.474	11.379	13.712
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	1	1
Nợ dài hạn	0	0	1	1
Tổng nợ phải trả	9.141	8.474	11.379	13.713
+ Vốn cổ phần	790	1.185	1.362	1.362
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	872	824	237	549
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	1.679	2.049	1.719	2.120
Tổng cộng nguồn vốn	10.820	10.524	13.098	15.833

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	53,4%	34,1%	5,6%	25,9%
Tăng trưởng LNNT	1849%	-12,4%	-160,6%	NA
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	1695%	-12,0%	-188,5%	NA
Tăng trưởng EPS	2011%	-41,4%	-177,0%	NA
Tăng trưởng VCSH	37,1%	22,0%	-16,1%	23,3%
Tăng trưởng Tổng tài sản	100,8%	-2,4%	24,5%	20,9%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	11,66	32,93	(78,24)	62,22
P/B	3,11	6,40	16,91	10,33
EV/EBITDA	20,32	26,07	230,95	26,44
EV/Sales	0,45	0,58	1,08	0,66
EPS (đồng/cp)	5.618	3.295	(2.537)	2.331
BVPS (đồng/cp)	21.045	16.951	11.738	14.032

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

